

**BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM  
AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO****I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:**

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Giới tính: Nam

Tuổi: 35

**II. THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM:**

Sản phẩm	Người được bảo hiểm	Tuổi tham gia bảo hiểm	Giới tính	Thời hạn đóng phí (năm)	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm
Sản phẩm chính An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao	Nguyễn Văn A	35	Nam	65	65	1.500.000.000	20.000.000
Sản phẩm bổ sung --- Không có sản phẩm bổ sung --- Tổng phí sản phẩm bổ sung							

**Phí bảo hiểm theo định kỳ****Năm**

Phí dự tính của An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao (^)

20.000.000

+ Phí bảo hiểm cơ bản

20.000.000

+ Phí tích lũy

-

Phí của các sản phẩm bổ sung

**Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ****20.000.000**

^ Phí dự tính bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí tích lũy theo định kỳ. Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cơ bản đã chọn là mức phí tối thiểu của Hợp đồng bảo hiểm này và phải được đóng đầy đủ.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Nguyễn Văn A  
Đại lý bảo hiểm: Phạm Văn Thạch  
Mã số đại lý: 000210599  
Ngày giờ lập: 23/04/2014 17:07:12

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
Trang 1 / 6  
eSIS - 1.2.2 - AF25



### III. THÔNG TIN SẢN PHẨM CHÍNH:

#### A. Quyền lợi bảo hiểm

##### 1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro

1.1 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong: Công ty sẽ chi trả Giá trị tài khoản hợp đồng cộng với Số tiền bảo hiểm hiện tại trừ đi quyền lợi bảo hiểm khi mắc bệnh Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

1.2 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong do Tai nạn trước khi đạt tuổi 65: Ngoài quyền lợi bảo hiểm khi tử vong, nếu Phí bảo hiểm được đóng đúng hạn, Công ty sẽ chi trả thêm 100% Số tiền bảo hiểm hiện tại nhưng không vượt quá hạn mức tối đa của quyền lợi tử vong do Tai nạn đối với một Người được bảo hiểm. Quyền lợi này sẽ có hiệu lực từ Ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí bảo hiểm đã được đóng gần nhất cho đến Ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí kế tiếp.

1.3 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong từ 15 tuổi trở lên không hút thuốc lá: Ngoài quyền lợi bảo hiểm khi tử vong, Công ty sẽ chi trả thêm 10% Số tiền bảo hiểm hiện tại.

1.4 Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm bị Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt tuổi 70: Công ty sẽ chi trả Giá trị tài khoản hợp đồng và Số tiền bảo hiểm hiện tại trừ đi quyền lợi bảo hiểm khi mắc bệnh Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

1.5 Quyền lợi hỗ trợ tài chính khi Người được bảo hiểm mắc bệnh Ung thư trước khi đạt tuổi 65: Công ty sẽ chi trả 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại.

**2. Quyền lợi khi đáo hạn hợp đồng:** Công ty sẽ chi trả cho khách hàng toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn sau khi trừ đi Quyền lợi hỗ trợ tài chính khi Người được bảo hiểm mắc bệnh Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

**3. Thường duy trì hợp đồng:** Một khoản Thường duy trì hợp đồng sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản vào các Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10, 15 và 20, với điều kiện Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đủ vào mỗi Ngày đến hạn đóng phí trong những năm hợp đồng trước đó. Vui lòng xem Quy tắc và Điều khoản để biết chi tiết về khoản Thường duy trì hợp đồng.

**4. Quyền lợi đầu tư:** Bên mua bảo hiểm được hưởng lãi hàng tháng trên Giá trị tài khoản theo mức lãi suất do Công ty công bố định kỳ. Tiền lãi sẽ được cộng dồn vào Giá trị tài khoản.

##### 5. Các quyền lợi khác:

5.1 Quyền thay đổi Số tiền bảo hiểm:

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu thay đổi Số tiền bảo hiểm hiện tại vào bất kỳ lúc nào sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm và trước khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65.

Từ ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65, Bên mua bảo hiểm được quyền giảm Số tiền bảo hiểm hiện tại xuống mức thấp nhất tương ứng 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm nhằm tối đa hóa kế hoạch tiết kiệm của mình. Việc thay đổi Số tiền bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào ngày kỷ niệm tháng sau ngày Công ty chấp thuận yêu cầu bằng văn bản của Bên mua bảo hiểm.

5.2 Quyền đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con):

Sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm và trước khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm lên đến 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con trong vòng 90 ngày kể từ ngày diễn ra sự kiện này, nhưng không vượt quá 500 triệu đồng/Người được bảo hiểm mà không cần thẩm định sức khỏe. Quyền lợi này áp dụng cho hợp đồng được phát hành ở điều kiện chuẩn. Tối đa là 2 sự kiện trong suốt thời hạn hợp đồng.

5.3 Quyền chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản

- Vào bất kỳ ngày kỷ niệm hợp đồng sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm, trước khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65 và trong thời gian hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản với Số tiền bảo hiểm mới bằng hoặc thấp hơn Số tiền bảo hiểm hiện tại.

- Quyền chuyển đổi này được áp dụng 1 lần trong suốt thời hạn hợp đồng. Việc chuyển đổi sẽ có hiệu lực vào ngày kỷ niệm tháng sau ngày Công ty chấp thuận theo yêu cầu bằng văn bản của Bên mua bảo hiểm.

5.4 Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản hoặc Giá trị tài khoản tích lũy sau khi hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 2 năm.

#### B. Các loại chi phí

**1. Chi phí bảo hiểm rủi ro:** là chi phí dùng để chi trả Quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Mức chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ căn cứ trên xác suất tử vong và TTTB&VV, phụ thuộc giới tính và tuổi hiện tại của Người được bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản.

**2. Chi phí ban đầu:** là chi phí khấu trừ trước khi phí bảo hiểm được phân bổ vào tài khoản. Mức chi phí này thay đổi theo Năm đóng phí.

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
Phí bảo hiểm cơ bản	90%	80%	30%	20%	1.5%
Phí tích lũy	0%	0%	0%	0%	0%

**3. Chi phí quản lý hợp đồng:** chi phí dùng để duy trì hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Hiện tại, mức chi phí này là 25.000 đồng/tháng (300.000 đồng/năm). Mức chi phí này có thể thay đổi nhưng tối đa là 60.000 đồng/tháng.

**4. Chi phí quản lý quỹ:** chi phí dùng để quản lý hoạt động của Quỹ liên kết chung. Công ty sẽ khấu trừ tỷ lệ chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm.

**5. Chi phí hủy bỏ hợp đồng:** Không có

**6. Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản:** Không có

**7. Tỷ suất đầu tư dự kiến:** Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%; 3.5%; 3%; 2.5% và bằng 2% từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế, có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Nguyễn Văn A  
Đại lý bảo hiểm: Phạm Văn Thạch  
Mã số đại lý: 000210599  
Ngày giờ lập: 23/04/2014 17:07:12

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
Trang 2/ 6  
eSIS - 1.2.2 - AF25



# BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM- AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi ĐNBH	Phí dự tính của sản phẩm chính	Phí phân bổ của sản phẩm chính	Tổng phí của sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Quyền lợi bảo hiểm									Khoản tiền rút
					Tại mức Lãi suất cam kết			Tại mức Lãi suất 6%			Tại mức Lãi suất 8%			
					Quyền lợi tử vong /TTTB&VV		Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong /TTTB&VV		Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong /TTTB&VV		Giá trị tài khoản	
					Không do tai nạn	Do tai nạn		Không do tai nạn	Do tai nạn		Không do tai nạn	Do tai nạn		
1	35	20.000	2.000		1.500.000	3.000.000		1.500.000	3.000.000		1.500.000	3.000.000		
2	36	20.000	4.000		1.500.000	3.000.000		1.500.000	3.000.000		1.500.000	3.000.000		
3	37	20.000	14.000		1.507.001	3.007.001	7.001	1.507.140	3.007.140	7.140	1.507.330	3.007.330	7.330	
4	38	20.000	16.000		1.519.028	3.019.028	19.028	1.519.481	3.019.481	19.481	1.520.097	3.020.097	20.097	
5	39	20.000	19.700		1.535.037	3.035.037	35.037	1.536.236	3.036.236	36.236	1.537.631	3.037.631	37.631	
6	40	20.000	19.700		1.551.196	3.051.196	51.196	1.553.765	3.053.765	53.765	1.556.333	3.056.333	56.333	
7	41	20.000	19.700		1.567.338	3.067.338	67.338	1.572.098	3.072.098	72.098	1.576.281	3.076.281	76.281	
8	42	20.000	19.700		1.583.239	3.083.239	83.239	1.591.221	3.091.221	91.221	1.597.512	3.097.512	97.512	
9	43	20.000	19.700		1.598.691	3.098.691	98.691	1.611.135	3.111.135	111.135	1.620.081	3.120.081	120.081	
10	44	20.000	19.700		1.633.527	3.133.527	133.527	1.673.178	3.173.178	173.178	1.701.374	3.201.374	201.374	
11	45	20.000	19.700		1.649.075	3.149.075	149.075	1.697.081	3.197.081	197.081	1.731.315	3.231.315	231.315	
12	46	20.000	19.700		1.664.433	3.164.433	164.433	1.721.907	3.221.907	221.907	1.763.134	3.263.134	263.134	
13	47	20.000	19.700		1.679.279	3.179.279	179.279	1.747.387	3.247.387	247.387	1.796.654	3.296.654	296.654	
14	48	20.000	19.700		1.693.604	3.193.604	193.604	1.773.559	3.273.559	273.559	1.832.011	3.332.011	332.011	
15	49	20.000	19.700		1.709.427	3.209.427	209.427	1.804.684	3.304.684	304.684	1.875.170	3.375.170	375.170	
16	50	20.000	19.700		1.722.141	3.222.141	222.141	1.832.033	3.332.033	332.033	1.914.525	3.414.525	414.525	
17	51	20.000	19.700		1.733.957	3.233.957	233.957	1.859.847	3.359.847	359.847	1.955.839	3.455.839	455.839	
18	52	20.000	19.700		1.744.159	3.244.159	244.159	1.887.440	3.387.440	387.440	1.998.550	3.498.550	498.550	
19	53	20.000	19.700		1.752.973	3.252.973	252.973	1.915.064	3.415.064	415.064	2.043.035	3.543.035	543.035	
20	54	20.000	19.700		1.762.357	3.262.357	262.357	1.946.891	3.446.891	446.891	2.095.208	3.595.208	595.208	
25	59	20.000	19.700		1.767.929	3.267.929	267.929	2.076.901	3.576.901	576.901	2.353.818	3.853.818	853.818	
30	64	20.000	19.700		1.717.160	3.217.160	217.160	2.188.315	3.688.315	688.315	2.668.213	4.168.213	1.168.213	
35	69	20.000	19.700		1.563.581	1.563.581	63.581	2.229.740	2.229.740	729.740	3.017.061	3.017.061	1.517.061	
37	71	20.000	19.700		(*)	(*)	(*)	2.223.631	2.223.631	723.631	3.171.613	3.171.613	1.671.613	
40	74	20.000	19.700					2.177.068	2.177.068	677.068	3.416.262	3.416.262	1.916.262	
45	79	20.000	19.700					1.881.700	1.881.700	381.700	3.767.632	3.767.632	2.267.632	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Nguyễn Văn A  
Đại lý bảo hiểm: Phạm Văn Thạch  
Mã số đại lý: 000210599  
Ngày giờ lập: 23/04/2014 17:07:12

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
Trang 3/ 6  
eSIS - 1.2.2 - AF25



# BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM- AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí dự tính của sản phẩm chính	Phí phân bổ của sản phẩm chính	Tổng phí của sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Quyền lợi bảo hiểm						Khoản tiền rút			
					Tại mức Lãi suất cam kết			Tại mức Lãi suất 6%		Tại mức Lãi suất 8%				
					Quyền lợi tử vong /TTTB&VV		Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong /TTTB&VV		Giá trị tài khoản		Quyền lợi tử vong /TTTB&VV		Giá trị tài khoản
					Không do tai nạn	Do tai nạn		Không do tai nạn	Do tai nạn			Không do tai nạn	Do tai nạn	
49	83	20.000	19.700					(*)	(*)	(*)	3.910.011	3.910.011	2.410.011	
50	84	20.000	19.700								3.912.009	3.912.009	2.412.009	
55	89	20.000	19.700								3.227.303	3.227.303	1.727.303	
59	93	20.000	19.700								(*)	(*)	(*)	

(\*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực vì giá trị hoàn lại nhỏ hơn 0

## Lưu ý:

- Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí của sản phẩm bổ sung sẽ không ảnh hưởng đến việc tính toán Giá trị tài khoản.
- Số tiền rút thể hiện tại cột "Khoản tiền rút" là số tiền khách hàng dự định rút từ Giá trị tài khoản.
- Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản tích lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng vào cuối năm hợp đồng thứ 10, 15 và 20 như sau:

Năm HĐ	Tại mức lãi suất cam kết	Tại mức lãi suất 6%	Tại mức lãi suất 8%
10	19.546	41.415	57.403
15	1.955	4.141	5.740
20	1.955	4.141	5.740

- Trong mọi trường hợp, khách hàng chỉ nhận được một trong hai Quyền lợi tử vong: Không do tai nạn hoặc do tai nạn.
- Nhằm đảm bảo các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm, Phí bảo hiểm cơ bản cần phải được đóng đầy đủ trong suốt thời hạn hợp đồng.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Nguyễn Văn A  
 Đại lý bảo hiểm: Phạm Văn Thạch  
 Mã số đại lý: 000210599  
 Ngày giờ lập: 23/04/2014 17:07:12

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
 Trang 4/ 6  
 eSIS - 1.2.2 - AF25





## XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản cũng như Giá trị hoàn lại của Hợp đồng bảo hiểm;
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%; 3.5%; 3%; 2.5% và bằng 2% từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm tối thiểu theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả;
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm; và
- Bảng minh họa này là một phần không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm và chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

---

Bên mua bảo hiểm

Ký tên

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao và nội dung Bảng minh họa này.

---

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Ký tên

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Nguyễn Văn A  
Đại lý bảo hiểm: Phạm Văn Thạch  
Mã số đại lý: 000210599  
Ngày giờ lập: 23/04/2014 17:07:12

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau  
Trang 6/ 6  
eSIS - 1.2.2 - AF25